

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DS-ST

Ngày 17 - 5 - 2023

V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trí T1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1/ Ông Trương Thanh N, sinh năm 1973 (có mặt)

2/ Bà Huỳnh Tuyết N1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Lê Trí T1 trình bày: Giữa ông Phạm Hồng T với vợ chồng ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên ông T có cho vợ chồng ông N vay tiền và vàng nhiều lần. Đến ngày 29/4/2020, vợ chồng ông N có làm giấy chót nợ với vợ chồng ông N có thể hiện nợ số tiền 240 triệu đồng và 1,1 lượng vàng 24k và cam kết đến cuối năm 2020 trả từng đợt nhưng đến nay không trả.

Yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/01/2021 đến 01/3/2023 bằng 27 tháng với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền 240.000.000 đồng = 3.948.000 đồng x 27 tháng = 107.568.000 đồng. Tại đơn khởi kiện Phạm Hồng T yêu cầu ông Trương

Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 có nghĩa vụ trả 347.568.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k.

Tại phiên tòa ông Lê Trí T1 là người đại diện của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N và bà N1 trả số tiền vốn 240.000.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k (11 chỉ vàng 24k).

- *Tại phiên tòa ông Trương Thanh N trình bày:* Ông thống nhất trình bày của đại diện nguyên đơn về thời gian mà vợ chồng ông có ký giấy nợ, số tiền 240.000.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k, có làm biên nhận tại nhà của ông T là do ông bị ép buộc ký giấy nhận nợ vào ngày 29/4/2020âl nhưng ông không có trình báo với cơ quan chức năng về việc ông bị ép buộc. Ông cho rằng năm 2015 vợ chồng ông có vay của ông T 50 triệu đồng và 1,8 lượng vàng 24k. Sau đó ông không có trả nên ông T tính lãi ra. Do đó, ông không đồng ý trả khoản tiền và vàng như ông T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Do bị đơn ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 có nơi cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền vay, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo đại diện nguyên đơn trình bày, vào ngày 29/4/2020âl, giữa nguyên đơn và bị đơn có làm giấy chót nợ thể hiện bị đơn còn nợ lại số tiền 240.000.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k và cam kết đến cuối năm 2020 trả và có ký xác nhận của bị đơn. Từ khi làm giấy chót nợ đến nay bị đơn không trả

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 trả cho nguyên đơn số tiền vốn 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và 1,1 lượng vàng 24k. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án giấy chót nợ ghi ngày 29/4/2020âl, có thể hiện nội dung ông N và bà N1 nợ số tiền 240.000.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k của ông T, có ký xác nhận của vợ chồng ông N.

Xét, giao dịch vay tiền và vàng giữa ông Phạm Hồng T với ông Trương Thanh n và bà Huỳnh Tuyết N1 là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa ông N thừa nhận nội dung và chữ ký trong giấy nhận nợ là của vợ chồng ông ký thừa nhận nợ số tiền 240.000.000 đồng và 1,1 lượng vàng 24k là có thật không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như lời thừa nhận của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với việc ông N cho rằng khi ký giấy biên nhận nợ bị phía ông T ép buộc ký nhưng trong suốt quá trình viết biên nhận nợ đến nay ông cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc ông T có hành vi ép buộc ông phải ký biên nhận nợ.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn; nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 trả cho ông Phạm Hồng T số tiền 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và 11 (mười một) chỉ vàng 24k (*Hai mươi bốn kara*). Vàng 24k, tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 5.680.000/chỉ.

Kể từ ngày ông Phạm Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 không thi hành xong khoản tiền trên, ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 phải nộp số tiền 15.124.000 đồng (*Mười lăm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*); ông Phạm Hồng T được miễn dự nộp án phí theo quy định của pháp luật.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Tuyết N1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công